

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 19 – 6 – 2020

V/v Ly hôn và nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Vinh Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Diễm Huyền.

Ông Huỳnh Khởi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Diễm-Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đặng Xuân Mai-Kiểm Sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2020/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 02 năm 2020, về việc Ly hôn và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1985, địa chỉ: Thôn Đ, xã N, thành phố N, tỉnh Bình Định, có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Đặng Văn T, sinh năm 1987, địa chỉ: Số X, ấp H, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Vào năm 2010, chị Nguyễn Thị N và anh Đặng Văn T tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố N, tỉnh Bình Định. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có 01 người con chung là Đặng Nguyễn Thanh T, sinh ngày 25/12/2010, hiện đang sống với chị N.

Nguyên nhân dẫn đến ly hôn, theo chị N trình bày: Đến năm 2012, vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, do anh T không quan tâm đến vợ con, không lo kinh tế gia đình, thường xuyên nhậu say làm mất an ninh trật tự trong xóm giềng, chửi bới và đánh vợ con, nên vợ chồng thường hay cãi nhau, từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, mâu thuẫn gia đình

phát sinh và ngày càng trầm trọng thêm, nên cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Nhận thấy không thể chung sống với anh T được nữa.

Nay chị N yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn với anh Đặng Văn T;
- Về con chung: Yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đặng Nguyễn Thanh T, sinh ngày 25/12/2010, đến đủ tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung và nợ chung: Đã tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Theo biên bản hòa giải ngày 28/02/2020, bị đơn anh Đặng Văn T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân, thời gian ly thân, con chung, tài sản chung và nợ chung anh thống nhất theo lời trình bày của chị Nguyễn Thị N. Về nguyên nhân mâu thuẫn: Do vợ chồng có cự cãi qua lại nên dẫn đến anh đánh chị N một lần và từ đó dẫn đến mâu thuẫn, hiện nay vợ chồng vẫn còn ở chung với nhau, ngoài ra không còn mâu thuẫn gì khác.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh không đồng ý ly hôn, vì còn thương vợ, con.
- Về con chung: Nếu ly hôn, anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Đặng Nguyễn Thanh T, sinh ngày 25/12/2010, đến tuổi trưởng thành và anh không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung và nợ chung: Đã tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách cho rằng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa, cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn, giao con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Đặng Văn T tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn và tuân thủ quy định tại các điều 8 và 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

[2] Xét về tình trạng hôn nhân, thấy rằng: Quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên. Trong thời kỳ hôn nhân, chị N và anh T có nhiều mâu thuẫn, cự cãi với nhau, có lần anh T đánh chị N, dẫn đến vợ chồng không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau, do không còn tình cảm, không hạnh phúc, **nên đã sống ly thân khoảng 03 năm nay**, đến thời điểm này, cả chị N và anh T cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng mà vẫn tiếp tục sống ly thân và bỏ mặc nhau. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

[3] **Về con chung:** Trong thời kỳ hôn nhân, chị N và anh T có 01 người con chung là Đặng Nguyễn Thanh T, sinh ngày 25/12/2010, hiện đang sống với chị N. Cả chị N và anh T đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng người con chung này.

[4] Theo quy định tại khoản 1 Điều 71, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, các điều 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014: Cha và mẹ đều có quyền và nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Nếu không thỏa thuận được người trực tiếp nuôi con thì căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, Tòa án quyết định giao cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng. Người không trực tiếp nuôi dưỡng cũng có quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

[5] Xét thấy, điều kiện nuôi con của người cha và người mẹ là như nhau, tuy nhiên hiện nay cháu T đang sống chung với người mẹ và có nguyện vọng tiếp tục sống chung với mẹ, người con chung này từ nhỏ đã được người mẹ chăm sóc nuôi dưỡng tốt, cho nên cần tiếp tục giao cho người mẹ nuôi dưỡng là hợp lý, **tránh thay đổi môi trường sống ổn định của trẻ nhỏ không cần thiết**. Nếu sau này người mẹ nuôi dưỡng không tốt thì người cha có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, giao cháu T cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Dành quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục người con chung này cho anh T, không ai được ngăn cản.

[6] **Về cấp dưỡng nuôi con:** Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị N đối với anh T.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự đã tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc chị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

[9] Đề nghị của Kiểm Sát viên về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, theo như nhận định và phân tích nêu trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

1) Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Đặng Văn T.

2) Về con chung: Giao cho chị N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đặng Nguyễn Thanh T, sinh ngày 25/12/2010 (theo như nguyện vọng của cháu), đến tuổi trưởng thành; Anh T được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục người con chung này, không ai được ngăn cản.

3) Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị N đối với anh T.

4) Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự đã tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5) Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0002646, ngày 05/02/2020, của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, chị N đã nộp xong án phí sơ thẩm.

6) Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

7) Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Chi cục THADSH Kế Sách (khi đã có hiệu lực);
- Ủy ban nhân dân xã *H*, thành phố *N*, tỉnh Bình Định;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

